

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 15/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2020, giữa:

**1. Nguyên đơn:** Anh Lù Văn T, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Bản HH, xã AT, huyện MA, tỉnh Điện Biên.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn:**

Bà Lương Thị Th – Trợ giúp viên pháp lý.

Nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên.

**2. Bị đơn:** Chị Lương Thị N, sinh năm 1998.

Nơi ĐKKHKT: Bản HH, xã AT, Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Nơi cư trú: Bản HN, xã AC, huyện MA, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Điều 212, 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 71, 81, 82, 83, 84, 86 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lù Văn T và chị Lương Thị N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về hôn nhân: Thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Anh Lù Văn T và chị Lương Thị N có 01 người con

chung là:

- Cháu Lù Đăng K, sinh ngày 23/3/2017.

Anh T và chị N thỏa thuận, thống nhất việc giao nuôi con chung:

Anh Lù Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lù Đăng K, sinh ngày 23/3/2017 kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Chị Lương Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lương Thị N có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản chị N thực hiện quyền này.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về: Anh Lù Văn T và chị Lương Thị N không có.

2.4 Về án phí: Anh T và chị N mỗi người tự nguyện chịu 75.000<sup>d</sup> (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng anh T và chị N là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên anh T và chị N đều được miễn toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS Mường Ảng;
- UBND xã Ảng Tở;
- Các đương sự; Người BVQLHP.
- Lưu hồ sơ, AV.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Phương**

